TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B Đ** TỈNH BÌNH PHƯỚC	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HS-ST
Ngày: 25/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B Đ – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Chức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đào Thanh Hải

Ông: Phạm Hùng Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*:** bà Huỳnh Thị Dạ Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 96/2023/HSST ngày 27 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Thành L, sinh năm 1994; tên gọi khác: Không; Nơi thường trú: thôn 03, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 07/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; họ và tên cha: Phạm Văn Đ (đã chết); họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm: 1965; Bị cáo có 02 (hai) chị em, lớn nhất sinh năm: 1992, nhỏ nhất sinh năm 1997; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án; Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/10/2023 cho đến nay *(có mặt)*.

Bị hại:

-Trần Thế T, sinh năm: 1989; địa chỉ: Ấp Th S, thị trấn Th B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước – vắng mặt.

- Nguyễn Văn H, sinh năm: 1980; địa chỉ: Thôn 3, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước – vắng mặt

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị Ph, sinh năm: 1980; địa chỉ: Thôn 3, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước - vắng mặt;

- Bà Bùi Thị L1, sinh năm: 1975; địa chỉ: Số 30, TNh Ph, quận 9, thành phố HCM- vắng mặt.

+ Người làm chứng:

- Đinh Thị Thúy H, sinh năm: 1995; địa chỉ: Ấp Th S, thị trấn Th B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước- vắng mặt

- Nguyễn Văn C, sinh năm: 1967; địa chỉ: Thôn 3, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước – vắng mặt

- Lương Trường L2, sinh năm: 1968; địa chỉ: Thôn 3, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước – có đơn yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 11/10/2023, Phạm Thành L đi bộ trên đường ĐT759 từ khu vực Cầu Sông Bé ra TT Thanh Bình, huyện B Đ. Khi L đi đến quán nước của anh Trần Thế T tại ấp Thanh Sơn, TT Thanh Bình, huyện B Đ thì phát hiện 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ-đen, biển kiểm soát: 93H9-8873 để ở trước sân quán, chìa khóa gắn trên xe, L nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô trên để bán lấy tiền tiêu xài và sử dụng ma túy. Thấy anh T đang bán nước trong quán, L đi vào hỏi mua nước và yêu cầu anh T đổi nhiều loại nước khác nhau để T không chú ý đến L, lợi dụng lúc T không để ý, L lén lút ngồi lên xe mô tô, bật chìa khóa, khởi động xe, điều khiển xe chạy về hướng xã Phước Minh, huyện Bù Gia Mập. T phát hiện, điều khiển xe mô tô của khách trong quán đuổi theo L đến khu vực thôn B T, xã Ph M, huyện B Gi M thì đuổi kịp L và trình báo công an.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 581/2023/KL-HDĐGTS ngày 13/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B Đ xác định:

01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ-đen, biển kiểm soát: 93H9-8873, tại thời điểm ngày 11/10/2023 trị giá là 4.379.000đ.

Quá trình điều tra Phạm Thành L khai nhận còn thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể:

Khoảng 05 giờ 00 ngày 20/09/2023, Phạm Thành L đi bộ đến khu vực thôn 3, xã Th H, huyện B Đ để tìm kiếm tài sản trộm cắp. Khi đi đến nhà anh Nguyễn Văn H, thấy cổng nhà anh Hải mở, L đi vào trong sân và nhìn qua cửa kính thấy trong phòng khách có 01 xe mô tô hiệu Honda (Future X) màu đen-trắng, biển kiểm soát: 55X1-8945, có gắn sẵn chìa khóa trên xe. L đi bên hông nhà ra phía sau bếp, dùng tay luồn vào khe hở cửa rồi kéo để mở cửa đi vào trong nhà, L lên phòng khách mở cửa và đẩy xe mô tô trên ra khỏi hiên, sau đó khởi động máy điều khiển xe đi về hướng đường ĐT759 thuộc huyện Ph Ri. Khi đi đến khu vực UBND xã B S, L thấy D đang đi bộ, L gọi D lại, nói cho D biết L lấy trộm 01 xe

mô tô và bán xe cho D với giá 3.500.000đ. D đồng ý mua. L nhận tiền và giao xe cho D. Số tiền bán xe, L dùng để tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 653/2023/KL-HĐĐGTS ngày 01/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B Đ xác định:

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future X, màu đen - trắng, biển số: 55X1-8945 tại thời điểm ngày 20/09/2023 trị giá là: 8.400.000đ.

Tại bản cáo trạng số: 03/CTr-VKS ngày 26/12/2023 của VKSND huyện B Đ truy tố bị cáo Phạm Thành L về tội *"Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện VKSND huyện B Đ giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Về tội danh và mức hình phạt: Tuyên bố bị cáo Phạm Thành L phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s, khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015. Đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 01(một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về vật chứng và các vấn đề khác: Giữ nguyên như nội dung bản cáo trạng

Bị cáo không tham gia tranh luận và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tại liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng:* Các hoạt động tố tụng, các Quyết định của cơ quan điều tra công an huyện B Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Các hành vi, Quyết định của cơ quan T hành tố tụng đã thực hiện phù hợp với pháp luật.

[2]. *Về nội dung:*

Từ ngày 20/9/2023 đến 11/10/2023, Phạm Thành L đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cụ thể:

Lần 1: ngày 20/9/2023 L trộm cắp 01 xe mô tô Honda, loại Future X, màu đen - trắng, biển số: 55X1-8945 của anh Nguyễn Văn H, trị giá tài sản là 8.400.000đồng**.**

Lần 2: ngày 11/10/2023, L trộm cắp 01 xe mô tô Yamaha, loại Sirius, màu đỏ-đen, biển kiểm soát: 93H9-8873 của anh Trần Thế T, trị giá tài sản là 4.379.000đồng. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 12.779.000đ (mười hai triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Như vậy hành vi của bị cáo Phạm Thành L đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ truy tố là đúng hành vi, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng với mục đích tư lợi, muốn có tiền tiêu xài cá nhân và sử dụng ma túy bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, điều này thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo là rất cao. Vì vậy, cần xử phạt mức án thật nghiêm tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Do bị cáo thực hiện phạm tội 02 lần trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5]. *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự HĐXX cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6]*Trách nhiệm dân sự:*

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ph là người đứng tên giấy chứng nhận đăng ký mô tô biển kiểm soát 93H9-8873, bà Ph cho bị hại Trần Văn T mượn xe đi lại, bà Ph đã nhận lại tài sản là xe mô tô và không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không đề cập xử lý.

+ Bị hại Nguyễn Văn H yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị xe mô tô nhẫn hiệu hon đa loại FutureX, màu đen trắng, biển số: 55X1-8945 với số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng). Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo L đồng ý bồi thường. Xét đây là sự tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận trên.

[7]*Về vật chứng:*

[8]. Về các vấn đề khác:

Đối với đối tượng tên D, có hành vi mua xe mô tô do L trộm cắp mà có, qua xác minh không có đối tượng tên là D tại thôn S H 2, xã B S, huyện Ph R, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

L khai nhận mua ma túy của một người phụ nữ (không rõ nhân thân lai lịch) tại khu vực chợ L N để sử dụng, Cơ quan CSĐT không đủ căn cứ để điều tra xác minh, nên không đề cập xử lý.

[9]*Về án phí:* Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về mức án đối với bị cáo, và các vấn đề khác là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, hình phạt: Tuyên bố bị cáo Phạm Thành L phạm tội: "*Trộm cắp tài sản"*.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Thành L 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 11/10/2023). Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 3; Điều 584; 585; 589 Bộ luật dân sự:

- Bị cáo Phạm Thành L có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Văn H số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian, số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật 5 Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lâm Thị Chức

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B Đ;
- Công an huyện B Đ;
- Chi cục THADS huyện B Đ;
- UBND xã (thị trấn);
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.